

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/DS-PT

Ngày: 30 - 6 - 2022

*V/v tranh chấp*

*“Hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn H.

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Minh L;

Ông Lâm Thuận T.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Thành Th - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Ph – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 94/2021/DS-ST, ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2022/QĐXX-PT ngày 07 tháng 3 năm 2022.

*1. Nguyên đơn:* Ông Phan Văn Ph, sinh năm 1956, nơi cư trú: Số 18/6D, khóm Tân Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Văn Ph:* Ông Trần Tiến V là Luật sư được cử Trợ giúp pháp lý (Quyết định số 299/QĐ-TGPL ngày 13/12/2021 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang).

*2. Bị đơn:*

2.1 Bà Phan Hữu Huyền Tr, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 25, đường Nguyễn Trọng Quyền, khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2.2. Ông Huỳnh Quốc Ch, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 42/16, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của bà Phan Hữu Huyền Tr:* Ông Phan Hữu M, sinh năm 1956; nơi cư trú: Số 25, đường Nguyễn Trọng Quyền, khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồ Thu H, sinh năm 1954; nơi cư trú: Số 18/6D, khóm Tân Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

(Ông V và M có mặt; ông Ch, ông Ph và bà H vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại bản án sơ thẩm, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn, ông Trần Tiến V trình bày:*

- Ông Phan Văn Ph và vợ chồng ông Huỳnh Quốc Ch, bà Phan Hữu Huyền Tr là chỗ quen biết, vì cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên ngày 06/01/2013, ông Ch, bà Tr vay của ông Phú số tiền 1.700.000.000 đồng, có ký hợp đồng vay vốn (Biên nhận nhận nợ và ông Ch, bà Tr cùng ký), hai bên thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 06/01/2013 đến ngày 13/01/2013, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, bà Tr nhận tiền tại nhà ông Ph. Sau khi vay, ông Ch, bà Tr chưa trả tiền lãi cho ông Ph.

- Ngoài ra, ngày 25/9/2013, bà Tr tiếp tục vay của ông Ph số tiền 500.000.000 đồng (bà Tr ký), thời hạn vay từ ngày 25/9/2013 đến ngày 25/10/2013, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng.

Tại trang 2, Giấy vay tiền ghi số tiền 675.000.000 đồng là vay thêm 175.000.000 đồng, tổng cộng là 675.000.000 đồng và do bà Tr trực tiếp ghi vào. Sau khi vay, bà Tr chưa trả tiền lãi cho ông Ph.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ph rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 175.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà Tr trả số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 25/9/2013 và yêu cầu ông Ch, bà Tr cùng liên đới trả cho ông số tiền 1.700.000.000 đồng theo Hợp đồng vay vốn (Biên nhận nhận nợ) ngày 06/01/2013. Tổng cộng là 2.200.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*Bị đơn, bà Phan Hữu Huyền Tr và người đại diện cùng trình bày:*

Năm 2013 ông Phan Văn Ph thực hiện các dịch vụ đáo hạn thông qua các nhân viên Ngân hàng. Người vay, bà Tr không biết, bà chỉ làm thuê (mang tiền do ông Ph giao lại cho Ngân hàng) nên ông buộc phải ký giấy nợ.

Khi đến hạn trả, người vay không trả tiền thì cha con ông Ph đến nhà yêu cầu bà phải trả tiền vốn và tiền lãi. Khi bà không đồng ý thì họ gây áp lực, buộc bà phải ký trên 01 (một tỷ đồng). Đã 10 năm, ông Ph tìm lại giấy nợ trước đây để kiện, nhưng phía sau thì ghi tiền lãi, vốn là 1,7 tỷ.

Đối với biên nhận ngày 25/9/2013, số tiền 500.000.000 đồng, bà Tr bận việc nên nhờ cha là ông M đi giao dịch ở Ngân hàng Chợ Mới. Sau này, người vay không trả nên ông Ph tính lãi 175 triệu, cộng chung là 675 triệu, khởi kiện và rút phần tiền lãi ở cấp sơ thẩm. Xác định, bà Tr và ông Ch có ký giấy vay

tiền, nhưng không có nhận tiền. Yêu cầu xem xét về thời gian giữa 02 giấy nợ chênh lệch nhau, nếu không trả tiền của biên nhận ngày 06/01/2013 thì ông Phú không thể cho vay tiếp số tiền 500.000.000 đồng (biên nhận ngày 25/9/2013).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thu H trình bày:* Bà và ông Phan Văn Ph là vợ chồng, thời điểm cho vợ chồng ông Huỳnh Quốc Ch, bà Phan Hữu Huyền Tr vay bà biết rõ, nhưng hợp đồng vay và biên nhận thì để ông Phú đứng tên cho vay.

Đối với chữ viết và chữ số phía sau biên nhận gốc ngày 06/01/2013 là chữ do bà tự ghi và ghi để tính số tiền lãi (mức lãi 3%/tháng).

Riêng cụm từ chữ và số: “Trên 21.02.2014 – nợ 1.077.000.000 một tỷ không trăm bảy bảy ngàn đồng chẵn” của 02 dòng cuối bà ghi phía sau biên nhận gốc ngày 06/01/2013 thì bà không nhớ.

Bà H yêu cầu vắng mặt khi Tòa án triệu tập đối chất ngày 26/5/2022 và trong suốt quá trình tố tụng khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Quốc Ch vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 94/2021/DS-ST, ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã tuyên xử:

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ph đối với số tiền 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ph.

- Buộc bà Phan Hữu Huyền Tr có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Ph số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

- Buộc bà Phan Hữu Huyền Tr, ông Huỳnh Quốc Ch có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn Ph số tiền 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự, về áp dụng luật thi hành án và tuyên về phần quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, bà Phan Hữu Huyền Tr làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nhưng dấu bưu điện thể hiện ngày 29/6/2021 bưu điện nhận đơn, thuộc trường hợp kháng cáo quá hạn.

Tại Quyết định số 21/2021/QĐ-PT ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bà Tr.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Hữu Huyền Tr tranh luận:*

Vợ chồng Huỳnh Quốc Ch và Phan Hữu Huyền Tr có ghi giấy vay tiền ông Phan Văn Ph để cho vay đáo hạn và người trực tiếp là Tr (con gái ông) nhưng đã trả gần đủ số tiền, chỉ còn nợ lại một số, nhưng con ông không xác định rõ. Đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn Ph tranh luận:*

Bà Phan Hữu Huyền Tr kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh đã trả tiền lãi và tiền vốn, nên không có căn cứ xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 94/2021/DS-ST, ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

*Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo đúng quy định pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 86, Điều 234, Điều 273 và Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án:

Bà Phan Hữu Huyền Tr kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không yêu cầu giám định đối với hợp đồng vay vốn (Biên nhận nhận nợ) ngày 06/01/2013 và Giấy vay tiền ngày 25/9/2013, không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh đã trả tiền lãi và tiền vốn, nên không có căn cứ xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 94/2021/DS-ST, ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Bà Tr phải chịu án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Luật sư, các đương sự và của Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về hình thức, đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1] Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ Điều 37 và Điều 38 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xác định đúng thẩm quyền.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, cấp sơ thẩm xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm thấy rằng có liên quan đến bà Hồ Thu H (vợ ông Phan Văn Ph), căn cứ Điều 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 đưa bà Hà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các đương sự vắng mặt đều có đơn và yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[4] Về nội dung:

[4.1] Ông Phan Văn Ph khởi kiện vợ chồng ông Huỳnh Quốc Ch và bà Phan Hữu Huyền Tr yêu cầu phải trả số tiền vay 2.200.000.000đ, chứng cứ là Hợp đồng vay vốn (Biên nhận nhận nợ) ngày 06/01/2013 và Giấy vay tiền ngày 25/9/2013.

[4.2] Bà Tr và người đại diện thừa nhận có ký các giấy tờ trên nhưng nại rằng, đã trả xong phần nhiều số tiền, chỉ còn nợ lại số tiền rất ít nhưng không xác định được.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phan Hữu Huyền Tr thấy rằng, số tiền theo các giấy tờ mà vợ chồng bà ký với nguyên đơn là rất lớn, bà cũng không chứng minh được đã trả bao nhiêu tiền, vào thời điểm nào và ông Ph không thừa nhận đã được trả tiền theo Hợp đồng vay vốn (Biên nhận nhận nợ) ngày 06/01/2013 và Giấy vay tiền ngày 25/9/2013 do vợ chồng bà Tr ký. Trường hợp này, không có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.1] Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản gốc Hợp đồng vay vốn (Biên nhận nhận nợ) ngày 06/01/2013 có chữ ký của vợ chồng ông Ch, bà Tr. Phía sau giấy này, bà Hà (vợ ông Ph) có ghi chữ viết và chữ số, trong đó có đoạn: “Trân 21.02.2014 – nợ 1.077.000.000 một tỷ không trăm bảy bảy ngàn đồng chẵn” nhưng bà không nhớ ghi như thế, có ý nghĩa gì.

[5.2] Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bên nguyên đơn là ông Ph không thừa nhận sau ngày 06/01/2013 bên bị đơn là bà Tr có trả số tiền nào, nhưng căn cứ vào đoạn chữ viết của bà H nêu trên, có căn cứ xác định đến ngày 21/02/2014 bên bà Tr chỉ còn nợ ông Ph số tiền 1.077.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, buộc vợ chồng ông Ch, bà Tr phải trả cho ông Ph số tiền 1.700.000.000 đồng là không chính xác, cần thiết phải sửa án về phần này và phần án phí dân sự sơ thẩm có liên quan.

[6] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2021/DS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Đề nghị trên, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà Tr. Sửa bản án sơ thẩm số 94/2021/DS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên như đề nghị của người đại diện cho bà Tr tại phiên tòa.

[7] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Văn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu không được chấp nhận, nhưng thuộc trường hợp là người cao tuổi được miễn.

- Bà Phan Hữu Huyền Tr, ông Huỳnh Quốc Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, bà Tr không phải chịu và được nhận lại tiền tạm ứng án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 227; Điều 228 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Hữu Huyền Tr, do ông Phan Hữu M đại diện.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2021/DS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ph đối với bà Phan Hữu Huyền Tr và ông Huỳnh Quốc Ch về số tiền 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ph.

- Buộc bà Phan Hữu Huyền Tr có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Ph số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).



- Buộc bà Phan Hữu Huyền Tr, ông Huỳnh Quốc Ch có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn Ph số tiền 1.077.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ch, bà Tr liên đới chịu 44.310.000 đồng;

- Bà Tr phải chịu 24.000.000 đồng;

- Ông Ph được miễn.

4. Án phí phúc thẩm: Bà Tr không phải chịu và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0000565 ngày 09/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn H**